

Số: 07 /NQ-HĐND

Cái Răng, ngày 27 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước quận Cái Răng năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về việc quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 quận Cái Răng;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng về việc quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 quận Cái Răng;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Cái Răng về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước quận Cái Răng năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân quận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước quận Cái Răng năm 2024, với các nội dung sau:

1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	: 1.028.447.447.813 đồng
- Ngân sách Trung ương	: 23.221.499.650 đồng
- Ngân sách thành phố	: 164.994.381.180 đồng
- Ngân sách quận	: 760.347.013.734 đồng
- Ngân sách phường	: 79.884.553.249 đồng
2. Tổng chi ngân sách địa phương	: 763.014.143.527 đồng
- Chi ngân sách quận	: 684.884.319.848 đồng
- Chi ngân sách phường	: 78.129.823.679 đồng

3. Cân đối thu - chi ngân sách địa phương:

3.1. Tổng thu ngân sách địa phương	: 840.231.566.983 đồng
- Ngân sách quận	: 760.347.013.734 đồng
- Ngân sách phường	: 79.884.553.249 đồng
3.2. Tổng chi ngân sách địa phương	: 763.014.143.527 đồng
- Chi ngân sách quận	: 684.884.319.848 đồng
- Chi ngân sách phường	: 78.129.823.679 đồng
3.3. Kết dư ngân sách địa phương	: 77.217.423.456 đồng
- Kết dư ngân sách quận	: 75.462.693.886 đồng
- Kết dư ngân sách phường	: 1.754.729.570 đồng

*(Đính kèm các phụ lục)***Điều 2. Trách nhiệm thi hành**

1. Giao cho Ủy ban nhân dân quận Cái Răng chuyển số kết dư ngân sách địa phương năm 2024 sang số thu ngân sách năm 2025 và hoàn chỉnh văn bản báo cáo gửi đến các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Cái Răng khóa XII, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN TPCT;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TPCT;
- Sở Tài chính thành phố;
- TT QU, HĐND, UBND, UBMTTQ VN quận;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND quận;
- Các ban ngành, đoàn thể quận;
- TT HĐND, UBND phường;
- Trang thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Vương Công Khanh**

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	823.793	840.232	16.439	102,00
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	298.394	314.833	16.439	105,51
-	Thu NSDP hưởng 100%	96.250	99.581	3.331	103,46
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	202.144	215.251	13.107	106,48
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	337.601	337.601	0	100,00
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	284.701	284.701	0	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	52.900	52.900	0	100,00
III	Thu hoàn trả các cấp ngân sách	73	73	0	100,00
IV	Thu kết dư ngân sách	43.983	43.983	0	100,00
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	143.742	143.742	0	100,00
B	TỔNG CHI NSDP	715.744	763.014	47.270	106,60
I	Tổng chi cân đối NSDP	707.892	588.495	-119.398	83,13
1	Chi đầu tư phát triển	212.112	125.093	-87.020	58,97
2	Chi thường xuyên	427.113	405.835	-21.278	95,02
3	Dự phòng ngân sách	11.100		-11.100	
4	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	57.567	57.567	0	100,00
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau		166.594	166.594	
III	Chi hoàn trả các cấp ngân sách	7.852	7.925	73	100,93

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)*

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP QUẬN				
I	Nguồn thu ngân sách	744.823	760.347	15.524	102,08
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	283.082	298.606	15.524	105,48
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	280.034	280.034	0	100,00
-	<i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>249.751</i>	<i>249.751</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>30.283</i>	<i>30.283</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
3	Thu hoàn trả các cấp ngân sách	73	73	0	100,00
4	Thu kết dư ngân sách	42.400	42.400	0	100,00
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	139.234	139.234	0	100,00
II	Chi ngân sách	637.132	684.884	57.647	107,49
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp quận	561.818	457.734	-104.084	81,47
-	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	<i>212.112</i>	<i>125.093</i>	<i>-87.020</i>	<i>58,97</i>
-	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>349.706</i>	<i>332.641</i>	<i>-17.065</i>	<i>95,12</i>
2	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	57.567	57.567	0	100,00
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>34.950</i>	<i>34.950</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	<i>22.617</i>	<i>22.617</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
3	Dự phòng ngân sách	9.894		-9.894	
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau		161.731	161.731	
5	Chi hoàn trả các cấp ngân sách	7.852	7.852	0	100,00

III	Kết dư ngân sách quận		75.463		
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG				
I	Nguồn thu ngân sách	78.970	79.885	914	101,16
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	15.312	16.226	914	105,97
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	57.567	57.567	0	100,00
-	<i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>34.950</i>	<i>34.950</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>22.617</i>	<i>22.617</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
3	Thu kết dư ngân sách	1.583	1.583	0	100,00
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4.508	4.508	0	100,00
II	Chi ngân sách	78.686	78.130	-556	99,29
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	77.407	73.193	-4.214	94,56
-	<i>Chi thường xuyên</i>	<i>77.407</i>	<i>73.193</i>	<i>-4.214</i>	<i>94,56</i>
2	Dự phòng ngân sách	1.206		-1.206	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		4.863	4.863	
4	Chi hoàn trả các cấp ngân sách	73	73	0	100,00
III	Kết dư ngân sách phường		1.755		

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)*

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	995.351	823.793	1.028.546	831.801	103,34	100,97
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	799.701	635.996	832.897	644.004	104,15	101,26
I	Thu nội địa	462.100	298.394	495.296	306.403	107,18	102,68
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	700	0	1.842	0		
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	100		507			
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	600		1.335			
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	2.184	0		
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>			575			
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			1.609			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	136.700	118.935	142.705	124.175	104,39	104,41
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	108.515	94.408	102.931	89.550	94,85	94,85
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	135	117	236	205	174,84	174,84
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	28.000	24.360	39.370	34.252	140,61	140,61
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	50	50	167	167	334,46	334,46
4	Thuế thu nhập cá nhân	95.700	83.259	104.877	82.714	109,59	99,35
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Lệ phí trước bạ	79.800	79.800	75.221	75.221	94,26	94,26

7	Thu phí, lệ phí	9.900	6.600	9.751	6.266	98,50	94,94
-	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>	3.300		3.471		105,19	
-	<i>Phí và lệ phí thành phố</i>			15			
-	<i>Phí và lệ phí quận, phường</i>	6.600	6.600	6.266	6.266	94,94	94,94
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.800	4.800	5.454	5.454	113,62	113,62
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
11	Thu tiền sử dụng đất	110.000		120.927		109,93	
12	Thu khác ngân sách	24.500	5.000	32.334	12.573	131,98	251,45
-	<i>Thu khác trung ương</i>	19.500		19.762			
-	<i>Thu khác quận, phường</i>	5.000	5.000	12.573	12.573		
II	Thu chuyển giao ngân sách các cấp	337.601	337.601	337.601	337.601	100,00	100,00
1	Thu bổ sung cân đối	284.701	284.701	284.701	284.701	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	52.900	52.900	52.900	52.900	100,00	100,00
B	THU HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CÁC CẤP	7.925	73	7.925	73	100,00	100,00
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	43.983	43.983	43.983	43.983	100,00	100,00
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	143.742	143.742	143.742	143.742	100,00	100,00

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC
NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	715.744	763.014	106,60
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	650.325	530.928	81,64
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	212.112	125.093	58,97
1	Chi đầu tư phát triển theo kế hoạch giao trong năm	193.563	118.142	61,04
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	46.247	24.801	53,63
-	Chi quốc phòng	3.477	3.477	100,00
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
-	Chi y tế, dân số và gia đình	500	435	86,93
-	Chi văn hóa thông tin	831	804	96,80
-	Chi các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể	61.656	36.013	58,41
-	Chi các hoạt động kinh tế (giao thông, thủy lợi, ...)	74.852	46.612	62,27
-	Chi hoạt động tài chính	6.000	6.000	100,00
2	Thanh toán vốn tạm ứng thuộc kế hoạch năm trước chuyển sang	18.549	6.951	37,47
II	Chi thường xuyên	427.113	405.835	95,02
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	164.640	161.216	97,92
2	Chi khoa học và công nghệ	200		0,00
III	Dự phòng ngân sách	11.100		
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	57.567	57.567	100,00
C	CHI HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CÁC CẤP	7.852	7.925	100,93
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		166.594	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025**của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)**Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	637.132	684.885	47.753	107,50
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG	57.567	57.567	0	100,00
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN THEO LĨNH VỰC	571.712	457.734	-113.978	80,06
I	Chi đầu tư phát triển	212.112	125.093	-87.019	58,97
1	Chi đầu tư cho các dự án theo kế hoạch giao trong năm	193.563	118.142	-75.421	61,04
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	46.247	24.801	-21.446	53,63
-	Chi quốc phòng	3.477	3.477	0	100,00
-	Chi y tế, dân số và gia đình	500	435	-65	86,93
-	Chi văn hóa thông tin	831	804	-27	96,80
-	Chi các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể	61.656	36.013	-25.643	58,41
-	Chi các hoạt động kinh tế (giao thông, thủy lợi,...)	74.852	46.612	-28.240	62,27
-	Chi hoạt động tài chính	6.000	6.000	0	100,00
2	Thanh toán vốn tạm ứng thuộc kế hoạch năm trước chuyển sang	18.549	6.951	-11.598	37,47
II	Chi thường xuyên	349.706	332.641	-17.065	95,12
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	164.245	160.826	-3.419	97,92
2	Chi khoa học và công nghệ	200		-200	0,00
3	Chi quốc phòng	11.023	11.023	0	100,00
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.085	2.085	0	100,00
6	Chi văn hóa thể thao và Truyền thanh	7.196	6.790	-407	94,35
9	Chi sự nghiệp môi trường	10.000	5.968	-4.032	59,68
10	Chi các hoạt động kinh tế	50.474	46.721	-3.753	92,56
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	49.577	44.717	-4.860	90,20
12	Chi bảo đảm xã hội	48.629	48.482	-146	99,70
13	Chi thường xuyên khác	6.277	6.030	-248	96,05
III	Dự phòng ngân sách	9.894		-9.894	
C	CHI HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CÁC CẤP	7.852	7.852	0	100,00
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		161.731	161.731	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp phường		Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp phường	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp phường
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	715.744	637.132	78.613	763.014	684.885	78.130	106,60	107,50	99,39
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	650.325	571.712	78.613	530.928	457.734	73.193	81,64	80,06	93,11
I	Chi đầu tư phát triển	212.112	212.112	0	125.093	125.093	0	58,97	58,97	
1	Chi đầu tư phát triển theo kế hoạch giao trong năm	193.563	193.563		118.142	118.142		61,04	61,04	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	46.247	46.247		24.801	24.801		53,63	53,63	
-	Chi khoa học và công nghệ	0			0					
2	Thanh toán vốn tạm ứng thuộc kế hoạch năm trước chuyển sang	18.549	18.549		6.951	6.951		37,47	37,47	
II	Chi thường xuyên	427.113	349.706	77.407	405.835	332.641	73.193	95,02	95,12	94,56
	Trong đó:									
1	Chi quốc phòng, an ninh	27.155	13.107	14.047	26.408	13.107	13.301	97,25	100,00	94,68

2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	164.640	164.245	395	161.216	160.826	390	97,92	97,92	98,74
3	Chi sự nghiệp y tế	32		32	32		32	100,00		100,00
4	Chi khoa học và công nghệ	200	200		0			0,00	0,00	
5	Chi văn hóa thể thao và Truyền thanh	8.403	7.196	1.207	7.933	6.790	1.143	94,41	94,35	94,75
8	Chi đảm bảo xã hội	49.539	48.629	911	49.389	48.482	906	99,70	99,70	99,56
9	Chi sự nghiệp kinh tế	50.572	50.474	98	46.819	46.721	98	92,58	92,56	99,82
10	Chi sự nghiệp môi trường	10.000	10.000		5.968	5.968		59,68	59,68	
11	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	110.294	49.577	60.717	102.039	44.717	57.323	92,52	90,20	94,41
12	Chi khác ngân sách	6.277	6.277		6.030	6.030		96,05	96,05	
V	Dự phòng ngân sách	11.100	9.894	1.206						
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	57.567	57.567		57.567	57.567		100,00	100,00	
C	CHI HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CÁC CẤP	7.852	7.852		7.925	7.852	73	100,93		
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				166.594	161.731	4.863			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	612.566	193.563	425.019	677.933	118.142	559.792	-	-	-	-	-	110,67	61,04	131,71
A	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	537.253	193.563	349.706	450.783	118.142	332.641	-	-	-	-	-	83,91	61,04	95,12
I	Sự nghiệp Kinh tế	50.474	-	50.474	46.721	-	46.721						92,56		92,56
1	Kiến thiết thị chính	20.895		20.895	19.910		19.910						95,29		95,29
2	Sự nghiệp Giao thông	11.304		11.304	11.080		11.080						98,02		98,02
3	Sự nghiệp Thủy lợi	15.320		15.320	13.859		13.859						90,46		90,46
4	Sự nghiệp Nông nghiệp	1.783		1.783	1.221		1.221						68,47		68,47
5	Vốn quy hoạch ngành	1.173		1.173	652		652						55,59		55,59
II	Sự nghiệp Môi trường	10.000		10.000	5.968		5.968						59,68		59,68

III	Đảm bảo Xã hội	48.629	-	48.629	48.482	-	48.482						99,70		99,70
-	Phòng Lao động - TB&XH	42.597		42.597	42.451		42.451						99,66		99,66
-	Bảo hiểm Xã hội	6.031		6.031	6.031		6.031						100,00		100,00
IV	Sự nghiệp Khoa học Công nghệ	200		200	0								0,00		0,00
V	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	164.245	-	164.245	160.826	-	160.826	-	-	-	-	-	97,92		97,92
1	Sự nghiệp Giáo dục	157.799		157.799	155.035		155.035						98,25		98,25
2	Sự nghiệp Đào tạo	2.994		2.994	2.437		2.437						81,40		81,40
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	3.452		3.452	3.354		3.354						97,16		97,16
VI	Chi văn hóa thể thao và Truyền thanh	7.196		7.196	6.790		6.790						94,35		94,35
VII	Quản lý Hành chính	59.908	10.347	49.577	53.467	8.751	44.717						89,25	84,57	90,20
1	Khối Quản lý Nhà nước	40.233	10.347	29.886	35.606	8.751	26.855						88,50	84,57	89,86
-	Văn phòng HĐND & UBND	9.061		9.061	8.166		8.166						90,12		90,12
-	Phòng Tư pháp	1.444		1.444	1.403		1.403						97,17		97,17
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.784		1.784	1.736		1.736						97,31		97,31
-	Phòng Kinh tế	1.319	54	1.265	1.243	21	1.222						94,19	38,60	96,56
-	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.876		1.876	1.824		1.824						97,26	#DIV/0!	97,26
-	Phòng Lao động - TB&XH	1.317		1.317	1.275		1.275						96,79	#DIV/0!	96,79
-	Phòng Văn hóa & TT	8.845	1.308	7.537	7.052	989	6.063						79,73	75,62	80,45

-	Phòng Tài nguyên & MT	1.585		1.585	1.496		1.496						94,39		94,39
-	Phòng Nội vụ	1.533		1.533	1.258		1.258						82,08		82,08
-	Thanh tra Nhà nước	1.096		1.096	1.072		1.072						97,80		97,80
-	Phòng Quản lý Đô thị	10.373	8.985	1.388	9.080	7.741	1.340						87,54	86,15	96,50
2	<i>Khối Đảng</i>	<i>11.747</i>		<i>11.747</i>	<i>10.322</i>		<i>10.322</i>						<i>87,87</i>		<i>87,87</i>
3	<i>Khối Đoàn thể</i>	<i>5.064</i>		<i>5.064</i>	<i>4.761</i>	-	<i>4.761</i>						<i>94,02</i>		<i>94,02</i>
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.500		1.500	1.359		1.359						90,58		90,58
-	Quận đoàn	841		841	825		825						98,11		98,11
-	Hội LH Phụ nữ	1.136		1.136	1.093		1.093						96,21		96,21
-	Hội Nông dân	884		884	861		861						97,32		97,32
-	Hội Cựu chiến binh	702		702	623		623						88,76		88,76
4	<i>Các tổ chức - Xã hội</i>	<i>2.863</i>		<i>2.879</i>	<i>2.778</i>	-	<i>2.778</i>						<i>97,02</i>		<i>96,47</i>
-	Hội Chữ thập đỏ	1.015		1.015	999		999						98,43		98,43
-	Hội Người Cao tuổi	318		318	314		314						98,77		98,77
-	Hội Người mù	263		263	250		250						95,17		95,17
-	Hội Nạn nhân CĐDC/Dioxin	386		386	357		357						92,62		92,62
-	Hội Khuyến học	528		528	524		524						99,26		99,26
-	Hội Người tù Kháng chiến	337		337	334		334						98,87		98,87
X	Chi An ninh - Quốc phòng	14.735	1.628	13.107	14.735	1.628	13.107						100,00		100,00

-	An ninh	2.085		2.085	2.085		2.085						100,00		100,00
-	Quốc phòng	12.651	1.628	11.023	12.651	1.628	11.023						100,00		100,00
XI	Chi khác ngân sách	181.865	181.588	6.277	113.793	107.763	6.030	-	-	-	-	-	62,57	59,34	96,05
-	Ban Quản lý Dự án và Phát triển Quỹ đất	177.532	175.588	1.944	103.578	101.763	1.815						58,34	57,96	93,34
-	Kho bạc Nhà nước	70		70	70		70						100,00		100,00
-	"Quỹ hỗ trợ nông dân" của Hội Nông dân	300		300	300		300						100,00		100,00
-	Trung tâm y tế	316		316	316		316						100,00		100,00
-	Kinh phí khen thưởng do phòng Nội vụ quản lý	3.647		3.647	3.529		3.529						96,76		96,76
-	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Cái Răng	6.000	6.000		6.000	6.000									
B	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	9.894		9.894											
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG	57.567		57.567	57.567		57.567								100,00
D	CHI HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH	7.852		7.852	7.852		7.852								
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0			161.731		161.731								

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP QUÂN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

ĐVT: 1.000 đồng

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

DVT: Triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ	Dự toán	Quyết toán	Chi Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	Chi Khoa học và Công nghệ	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội	Chi thường xuyên khác	So sánh (%)
											Chi các hoạt động kinh tế khác	Chi giao thông, chi kiến thiết thị chính	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi thủy sản				
	Tổng Cộng	534.279	332.641	160.826	0	11.023	2.085	6.790	5.968	46.721	652	30.989	15.080	44.717	48.482	6.030	62,3
A	Khối Quản lý Hành chính	160.450	138.730	93	0	0	0	0	5.968	45.500	652	30.989	13.859	44.717	42.451	0	86,5
I	Quản lý nhà nước	140.760	120.868	93	0	0	0	0	5.968	45.500	652	30.989	13.859	26.855	42.451	0	85,9
1	Văn phòng HĐND & UBND	9.061	8.166											8.166			90,1
2	Phòng Tư pháp	1.444	1.403											1.403			97,2
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.784	1.736											1.736			97,3
4	Phòng Kinh tế	16.785	15.081							13.859			13.859	1.222			89,8
5	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.876	1.824											1.824			97,3
6	Phòng Lao động - TB&XH	43.914	43.726											1.275	42.451		99,6
7	Phòng Văn hóa & Thông tin	7.537	6.063											6.063			80,4

[illegible]

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Dự toán năm trước chuyển sang			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6=1-5	7	8
	TỔNG SỐ	333.437	255.606	64.210	13.621	332.641	796	1.676	(881)
I	Sự nghiệp Kinh tế	50.293	39.490	5.139	5.664	46.721	3.572	439	3.133
1	Kiến thiết thị chính	20.895	18.800	2.000	95	19.910	985		985
2	Sự nghiệp Giao thông	11.304	9.230	2.074		11.080	224		224
3	Sự nghiệp Thủy lợi	15.320	9.850		5.470	13.859	1.461		1.461
4	Sự nghiệp Nông nghiệp	1.783	1.610	73	100	1.221	562	99	463
5	Vốn quy hoạch ngành	992		992		652	340	340	-
II	Sự nghiệp Môi trường	9.120	9.120			5.968	3.152		3.152
III	Đảm bảo Xã hội	48.629	35.812	12.817	-	48.482	146	97	49
1	Phòng Lao động - TB&XH	42.597	35.812	6.786		42.451	146	97	49

2	Bảo hiểm Xã hội	6.031		6.031		6.031	-		-
IV	Sự nghiệp Khoa học Công nghệ	200	200				200		200
V	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	160.995	134.671	26.070	254	160.827	168	148	19
1	<i>Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>155.146</i>	<i>129.318</i>	<i>25.736</i>	<i>92</i>	<i>155.036</i>	<i>110</i>	-	<i>110</i>
-	Khối Mầm non, mẫu giáo	34.587	28.733	5.854		34.583	4		4
-	Khối Tiểu học	68.506	55.581	12.901	24	68.420	86		86
-	Khối Trung học cơ sở	51.037	45.004	6.029	5	51.017	20		20
-	Chi hoạt ngành Giáo dục	1.016		952	64	1.016	(0)		(0)
2	<i>Sự nghiệp Đào tạo</i>	<i>2.482</i>	<i>2.188</i>	<i>200</i>	<i>95</i>	<i>2.437</i>	<i>45</i>	<i>138</i>	<i>(93)</i>
-	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	2.482	2.188	200	95	2.344	138	138	0
-	Kinh phí đào tạo lại cán bộ (phòng Nội vụ)	-				93	(93)		(93)
3	<i>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên</i>	<i>3.367</i>	<i>3.165</i>	<i>134</i>	<i>68</i>	<i>3.354</i>	<i>13</i>	<i>10</i>	<i>2</i>
VI	Sự nghiệp VH-TT (Trung tâm VH-TT và Truyền thanh)	6.975	4.177	2.360	438	6.788	187	4	184
VII	Quản lý Hành chính	37.017	22.634	7.120	7.264	44.717	(7.699)	899	(8.599)
1	<i>Khối Quản lý Nhà nước</i>	<i>29.230</i>	<i>17.018</i>	<i>5.131</i>	<i>7.081</i>	<i>26.855</i>	<i>2.375</i>	<i>746</i>	<i>1.629</i>

-	Văn phòng HĐND & UBND	8.906	5.726	2.908	273	8.166	740	739	1
-	Phòng Tư pháp	1.419	1.046	318	55,4	1.403	16	6,4	9
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.744	1.493	251		1.736	8		8
-	Phòng Kinh tế	1.235	979	170	86	1.222	14		14
-	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.836	1.607	228		1.824	11		11
-	Phòng Lao động - TB&XH	1.287	1.120	164	2	1.275	12		12
-	Phòng Văn hóa & TT	7.517	712	144	6.661	6.063	1.454		1.454
-	Phòng Tài nguyên & MT	1.550	1.266	283	2	1.496	54		54
-	Phòng Nội vụ	1.306	1.127	177	2	1.258	48		48
-	Thanh tra	1.076	867	209		1.072	4		4
-	Phòng Quản lý Đô thị	1.353	1.074	279		1.340	14		14
2	<i>Khối Đảng</i>	-				10.322	(10.322)		(10.322)
3	<i>Khối Đoàn thể</i>	4.979	3.358	1.440	181	4.761	218	154	64
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.479	883	526	70	1.359	120	76	44
-	Quận đoàn	825	568	256	1	825	0		0
-	Hội LH Phụ nữ	1.121	672	397	52	1.093	27	27	0
-	Hội Nông dân	868	743	124	1	861	8		8

-	Hội Cựu chiến binh	686	493	137	57	623	63	51	12
4	<i>Các tổ chức - Xã hội</i>	2.808	2.257	549	2	2.778	31	-	30,64
-	Hội Chữ thập đỏ	999	813	186	1	999	0,70		0,70
-	Hội Người Cao tuổi	314	268	47		314	0,11		0,11
-	Hội Người mù	259	241	17	1	250	8,89		8,89
-	Hội Nạn nhân CĐDC/Dioxin	378	328	50		357	21		20,84
-	Hội Khuyến học	524	340	183	0,8	524	0,083		0,08
-	Hội Người tù Kháng chiến	334	268	66		334	0,01		0,01
VIII	Chi An ninh - Quốc phòng	13.930	6.855	7.074	-	13.107	822	-	822
1	An ninh	2.907	400	2.507		2.085	822		822
2	Quốc phòng	11.023	6.455	4.567		11.023	-		-
IX	Chi khác ngân sách	6.277	2.647	3.630	-	6.030	248	88	159
1	Ban Quản lý Dự án và Phát triển Quỹ đất	1.944		1.944		1.815	129		129
2	Kho bạc Nhà nước	70		70		70	-		-
3	Kinh phí khen thưởng do phòng Nội vụ quản lý	3.647	2.647	1.000		3.529	118	88	30
4	"Quỹ hỗ trợ nông dân" của Hội Nông dân	300		300		300	-		-
5	Trung tâm y tế	316		316		316	-		-

* Ghi chú: Dự toán giao không kể số 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

DVT: triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị (1)	Dự toán					Quyết toán												So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi nộp NS cấp trên	Dự phòng ngân sách	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang năm sau	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi Thường xuyên
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
									Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18= 8/1	19= 7/2	20=10/3
	TỔNG SỐ	78.612	0	77.407	0	1.206	78.057				73.193	390					4.863	0	99,29		94,56
1	Phường Lê Bình	11.744		11.575		170	11.287				10.425	56					862		96,10		90,06
2	Phường Hưng Phú	11.868		11.685		183	11.894				11.271	55					623		100,22		96,46
3	Phường Phú Thứ	13.464		13.258		206	13.256				12.717	53					539		98,46		95,92
4	Phường Thường Thạnh	12.507		12.319		188	12.515				11.560	54					955		100,06		93,84
5	Phường Tân Phú	10.013		9.854		159	9.786				9.467	56					319		97,73		96,07
6	Phường Hưng Thạnh	10.267		10.113		154	10.590				9.317	56					1.273		103,14		92,12
7	Phường Ba Láng	8.748		8.604		145	8.729				8.438	60					292		99,78		98,07

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán							Quyết toán						So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu				Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ			Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước						Vốn ngoài nước	Vốn trong nước						Vốn ngoài nước	Vốn trong nước		
	TỔNG SỐ	57.567	34.950	22.617		22.617	0	22.617	57.567	34.950	22.617	0	22.617	0	22.617	100	100	100		100		100
1	Lê Bình	8.931	4.727	4.204		4.204		4.204	8.931	4.727	4.204		4.204		4.204	100	100	100		100		100
2	Hưng Phú	7.801	4.445	3.356		3.356		3.356	7.801	4.445	3.356		3.356		3.356	100	100	100		100		100
3	Phú Thù	9.212	5.506	3.706		3.706		3.706	9.212	5.506	3.706		3.706		3.706	100	100	100		100		100
4	Thường Thạnh	10.435	6.122	4.313		4.313		4.313	10.435	6.122	4.313		4.313		4.313	100	100	100		100		100
5	Tân Phú	8.836	6.011	2.825		2.825		2.825	8.836	6.011	2.825		2.825		2.825	100	100	100		100		100
6	Hưng Thạnh	6.191	3.926	2.264		2.264		2.264	6.191	3.926	2.264		2.264		2.264	100	100	100		100		100
7	Ba Láng	6.161	4.212	1.949		1.949		1.949	6.161	4.212	1.949		1.949		1.949	100	100	100		100		100

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH QUẬN CÁI RĂNG NĂM 2024
*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2025
của Hội đồng nhân dân quận Cái Răng)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó				
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
1	2	4	5	6	7	8	9
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	840.232	314.906	284.701	52.900	143.742	43.983
1	Ngân sách quận	760.347	298.680	249.751	30.283	139.234	42.400
2	Phường Lê Bình	11.873	2.226	4.727	4.204	363	353
3	Phường Hưng Phú	12.259	3.463	4.445	3.356	580	416
4	Phường Phú Thứ	13.425	2.916	5.506	3.706	1.169	128
5	Phường Thường Thạnh	12.676	1.636	6.122	4.313	336	269
6	Phường Tân Phú	9.907	661	6.011	2.825	285	125
7	Phường Hưng Thạnh	10.878	3.249	3.926	2.264	1.256	182
8	Phường Ba Láng	8.866	2.076	4.212	1.949	519	110

